

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC**  
(trong 5 năm gần đây; dành cho ứng viên Trường khoa)

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

- Họ và tên: **PHẠM KIM ĐĂNG**
- Ngày, tháng, năm sinh: 22 tháng 12 năm 1972
- Chức danh, Học vị: Giảng viên cao cấp, Phó Giáo sư, Tiến sỹ
- Chức vụ hiện tại: a) Chính quyền: Phó trưởng khoa phụ trách  
kiêm Giám đốc TT giống vật nuôi CLC  
b) Đảng, đoàn thể: Bí thư chi bộ
- Chức vụ quy hoạch:  
a) Chính quyền: Trưởng khoa, Phó giám đốc  
b) Đảng, đoàn thể: Đảng ủy viên, Phó bí thư đảng bộ
- Mong muốn được bổ nhiệm giữa chức vụ: Trưởng khoa

**II. KẾT QUẢ CỦA ĐƠN VỊ**

**2.1. Tuyển sinh**

TT	Năm học	NCS và học viên (người)		Đại học.... (người)		Ghi chú
		Chỉ tiêu tuyển sinh	Số nhập học	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số nhập học	
1	2013-2014	50	31	700	671	
2	2014-2015	50	22	780	770	
3	2015-2016	40	20	430	427	
4	2016-2017	40	18	480	393	
5	2017-2018	40	8	500	299	
	<b>Tổng số</b>	220	99	2890	2560	

**2.2. Đề tài, dự án**

TT	Năm	Số lượng đề tài, dự án <sup>1</sup>		Tổng kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Do HV giao	Do đơn vị tạo nguồn	Do HV giao	Do đơn vị tạo nguồn	
1	2014	4	6	110.000.000	3.210.000.000	3.310.000.000
2	2015	5	1	300.000.000	4.000.000.000	4.300.000.000
3	2016	6	01	428.000.000	5.118.740.000	5.118.740.000
4	2017	8	02	210.000.000	4.115.000.000	4.325.000.000
5	2018	8	01	110.000.000	800.000.000	910.000.000
	<b>Tổng số</b>	31	11	1.158.000.000	17.243.740.000	17.963.740.000

<sup>1</sup> *Kê khai đề tài/dự án cấp nhà nước trước, cấp bộ và tương đương sau; các đề tài/dự án HTQT có giá trị tương đương từ 3 tỷ đến dưới 7 tỷ VND thì được coi là một đề tài cấp Bộ, từ 7 tỷ VND trở lên thì được coi tương đương đề tài/dự án cấp nhà nước. Nội dung kê khai đưa về phần Phụ lục, bao gồm tên, cấp quản lý, mã số, thời gian thực hiện, kết quả nghiệm thu...*

**2.3. Bài báo khoa học đã công bố** (chỉ tính các tạp chí có mã số ISSN)

TT	Năm	Trong nước	Ngoài nước	Số bài báo trong danh mục SCI/ SCIE/ SSCI/ A&HCI/ ISI/ SCOPUS, IF,... <sup>2</sup>	Ghi chú
1	2014	14	6	2	
2	2015	33	24	9	
3	2016	34	36	3	
4	2017	49	32	1	
5	2018	28	14	5	
	<b>Tổng số</b>	<b>158</b>	<b>112</b>	<b>19</b>	

**2.4. Báo cáo tại hội nghị, hội thảo** (chỉ tính các bài toàn văn đăng trên Kỷ yếu có ISBN)<sup>3</sup>

TT	Năm	Trong nước (báo cáo)	Quốc tế (báo cáo)	Ghi chú
1	2014		1	
2	2015	1	2	
3	2016		1	
4	2017	2	3	
5	2018	50	7	
	<b>Tổng số</b>	<b>53</b>	<b>14</b>	

**2.5. Sách phục vụ đào tạo** (chỉ tính sách có mã số chuẩn quốc tế ISBN)<sup>4</sup>

TT	Năm	Số lượng (quyển)	Trong đó, có tên trên website amazon.com (quyển)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Chuyên khảo</b>			
1	2014			
2	2015			
3	2016			
4	2017			
5	2018			
<b>II</b>	<b>Giáo trình</b>			
1	2014			
2	2015			
3	2016	1		
4	2017	4		
5	2018	1		
<b>III</b>	<b>Tham khảo</b>			
1	2014			
2	2015		1	
3	2016			
4	2017	2		
5	2018		1	
<b>IV</b>	<b>Hướng dẫn</b>			

<sup>2</sup> Phần kê khai này cần có Phụ lục, bao gồm tên bài báo, tên tạp chí, số xuất bản, năm xuất bản và đường link của bài báo; nếu là tác giả thứ nhất hoặc corresponding author thì đánh dấu sao (\*)

<sup>3</sup> Phần kê khai này cần có Phụ lục nêu rõ tên Hội nghị, hội thảo

<sup>4</sup> Phần kê khai này cần có Phụ lục nêu rõ năm xuất bản, tên sách và nhà xuất bản.

TT	Năm	Số lượng (quyển)	Trong đó, có tên trên website amazon.com (quyển)	Ghi chú
1	2014			
2	2015	1		
3	2016			
4	2017			
5	2018			
	<b>Tổng số</b>			

## 2.6. Phát minh, sáng chế, tiến bộ kỹ thuật, tư vấn chính sách được công nhận<sup>5</sup>

TT	Năm	Tên bằng	Tên cơ quan cấp	Ghi chú
1.	2018	Nhóm lợn Landrace mang kiểu gen BB của gen RBP4 và lợn Yorkshire mang kiểu gen CC của gen RNF4 có năng suất sinh sản cao	Bộ NN&PTNT	
2.	2018	Công thức lai vịt đực Bầu nuôi tại Sín Chéng với vịt cái SM3 (BSM3)	Bộ NN&PTNT	

## 2.7. Hợp tác trong và ngoài nước<sup>6</sup>

TT	Năm	Số người học nước ngoài do đơn vị tự khai thác	Số GV và NCV nước ngoài do đơn vị tự mời	Số SV do đơn vị chủ động gửi đi nước ngoài	Số CB của đơn vị được nước ngoài mời đi giảng dạy, NC,...	Số địa phương đơn vị có liên kết	Số doanh nghiệp đơn vị có liên kết <sup>7</sup>
1	2014		05				01
2	2015		09				01
3	2016		05				04
4	2017		05				01
5	2018		18				03
	<b>Tổng</b>						

## 2.8. Thu nhập của viên chức & người lao động (chỉ tính số tiền phúc lợi của riêng đơn vị)

TT	Năm	Tiền phúc lợi (đồng/người/năm)	Ghi chú
1	2014	1.200.000	
2	2015	1.200.000	
3	2016	1.200.000	
4	2017	1.800.000	
5	2018	1.800.000	

<sup>5</sup> Bao gồm cả các ý kiến tư vấn, sáng kiến về cơ chế chính sách, quản lý, cải tiến giảng dạy, v.v... góp phần làm tăng năng suất lao động và hiệu lực quản lý, hiệu quả công tác từ cấp khoa trở lên; có minh chứng trong phần Phụ lục.

<sup>6</sup> Có Phụ lục kèm theo, phân định rõ đi đào tạo dài hạn (Thạc sĩ, Tiến sĩ), post doc, giảng dạy, nghiên cứu, hội thảo, trao đổi ngắn hạn, v.v...

<sup>7</sup> Hợp tác với các địa phương và DN thể hiện qua số hợp đồng, thoả thuận và số kinh phí do đơn vị chủ động liên kết

### III. ĐÓNG GÓP CỦA CÁ NHÂN

#### 3.1. Đề tài, dự án (chủ trì, chưa tính kinh phí các hợp đồng, các đề tài tham gia)

TT	Năm	Cá nhân đề xuất		Do Học viện giao		Ghi chú
		Số lượng đề tài, dự án	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Số lượng đề tài, dự án	Tổng kinh phí (đồng)	
1	2014 - 2015	01	300.000.000			01 nhánh Pháp do French public scientific and technological institution (thảo dược)
	2014 - 2016	01	750.000.000			Chủ trì nhánh cấp nhà nước về đệm lót sinh học NN.DAĐL-2014/01
	2014 - 2016	01	560.000.000			15/2014/HĐ-NĐT Chủ trì nhánh Nhiệm vụ hợp tác VN - Rumania
2	2015-2017	01	450.000.000			Chủ trì 01 Việt Bi 450 triệu (bã rượy) KF Đề tài 2015
	2015-2017	01	250.000.000			Chủ trì nhánh đề tài TP Hà Nội (01C-06/01-2015-2)
3	2016	01	440.000.000			Điều phối Dự án SNV Hà Lan
4	2016-2017	01	79.000.000			Cấp học viện nguồn Công ty (Biospring)
5	2016-2019	01	1.500.000.000			Chủ trì Thành phố HN
6	2017-2019	01	4.400.000.000			Chủ trì đề tài cấp nhà nước (chương trình CNSH)
	<b>Tổng</b>		<b>8.729.000.000</b>			

*Tham gia nhiều hợp đồng, đề tài dự án trong nước và quốc tế khác. Ngoài ra còn là đầu mối kết nối các đề tài, dự án cho cán bộ khác trong và ngoài khoa.*

#### 3.2. Bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học (chỉ tính các tạp chí có ISSN)

TT	Năm	Trong nước	Ngoài nước	Trong đó số bài báo có trong danh mục SCI/ SCIE/ SSCI/ A&HCI/ ISI/ SCOPUS, IF <sup>8</sup> ,...	Ghi chú
1	2014	2	0	0	
2	2015	7	4	1	
3	2016	15	3	2	
4	2017	18	2		
5	2018	4	4	2	
	<b>Tổng số</b>	<b>46</b>	<b>13</b>	<b>5</b>	

<sup>8</sup> Không tính các bài báo trong thời gian làm NCS.

**3.3. Báo cáo tại hội nghị, hội thảo (chỉ tính các bài đăng toàn văn trên Kỷ yếu có ISBN)<sup>9</sup>**

TT	Năm	Trong nước (báo cáo)	Quốc tế (báo cáo)	Ghi chú
1	2014			
2	2015	1	1	
3	2016	1	1	
4	2017	1	1	
5	2018	1		
	<b>Tổng số</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	

**3.4. Sách phục vụ đào tạo (chỉ tính sách có mã số chuẩn quốc tế ISBN)<sup>10</sup>**

TT	Năm	Số lượng (quyển)	Trong đó, có tên trên website amazon.com (quyển)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Chuyên khảo</b>			
1	2014			
2	2015			
3	2016			
4	2017			
5	2018			
<b>II</b>	<b>Giáo trình</b>			
1	2014			
2	2015			
3	2016			
4	2017			
5	2018			
<b>III</b>	<b>Tham khảo</b>			
1	2014			
2	2015			
3	2016			
4	2017	<b>02</b>		
5	2018			
<b>IV</b>	<b>Hướng dẫn</b>			
1	2014			
2	2015			
3	2016			
4	2017			
	<b>Tổng số</b>			

**3.5. Phát minh, sáng chế, tiến bộ kỹ thuật, tư vấn chính sách được công nhận**

TT	Năm	Tên bằng	Tên cơ quan cấp	Ghi chú
1	2017	<i>TBKT – Công nghệ mới: công thức lai vịt đực Bàu nuôi tại Sín Chéng với cái SM3 (QĐ số 101/ QĐ- CN-GSN</i>	Bộ NN và PTNT	

<sup>9</sup> Phần kê khai này cần có Phụ lục nêu rõ tên Hội nghị, hội thảo

<sup>10</sup> Phần kê khai này cần có Phụ lục nêu rõ năm xuất bản, tên của sách và nhà xuất bản.

### 3.6. Hợp tác trong và ngoài nước

Năm	Số lượt cán bộ HV đi nước ngoài và số lượt người nước ngoài đến HV		Số lượt SVHV đi nước ngoài và số lượt SV nước ngoài đến HV		Số lần cá nhân đi nước ngoài		Số địa phương cá nhân có liên kết		Số doanh nghiệp cá nhân có liên kết <sup>11</sup>	
	Nguồn từ HV và đơn vị	Nguồn từ ứng viên	Nguồn từ HV và đơn vị	Nguồn từ ứng viên	Do HV cử đi	Do ứng viên tạo nguồn	Nguồn từ HV và đơn vị	Nguồn từ ứng viên	Nguồn từ HV và đơn vị	Nguồn từ ứng viên
2014						01				
2015						02				
2016						01		02		04
2017						02		01		03
2018						01		01		03
<b>Tổng</b>										

Tổng số trích dẫn Google scholar ứng viên: 721    Chỉ số H của ứng viên: h-index 13

## IV. THÀNH TỰU (DỰ KIẾN) CỦA ĐƠN VỊ SAU KHI ỨNG VIÊN ĐƯỢC BỔ NHIỆM (Trong điều kiện hiện nay của Học viện)

### 4.1. Tuyển sinh

TT	Thời gian	NCS và học viên (người)		Đại học.... (người)		Ghi chú
		Chỉ tiêu tuyển sinh	Số nhập học	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số nhập học	
1.	Sau 18 tháng	50	30	500	350-400	
2.	Sau 24 tháng	50	40	500	400-500	
	<b>Tổng số</b>	<b>100</b>	<b>70</b>	<b>1000</b>	<b>750-900</b>	

### 4.2. Đề tài, dự án

TT	Thời gian	Số lượng (đề tài, dự án)	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
1.	Sau 18 tháng	10	8.000.000.000	Tính cả đề tài cũ và mới hàng năm
2.	Sau 24 tháng	14-15	12.000.000.000	
	<b>Tổng</b>			

### 4.3. Số lượng bài báo khoa học được công bố (chỉ tính các tạp chí có mã số ISSN)

TT	Thời gian sau khi được bổ nhiệm	Trong nước (bài)	Quốc tế (bài)	Trong đó số bài có trong danh mục SCI/ SCIE/ SSCI/ A&HCI/ ISI/ SCOPUS, IF,... (bài)	Ghi chú
1.	18 tháng	50	30	05	
2.	24 tháng	80	40	09	

### 4.4. Báo cáo tại hội nghị, hội thảo (chỉ tính các bài toàn văn đăng trên Kỷ yếu có ISBN)

TT	Thời gian sau khi được bổ nhiệm	Trong nước (báo cáo)	Quốc tế (báo cáo)	Ghi chú
1.	18 tháng	15	05	
2.	24 tháng	25	07	
	<b>Tổng số</b>			

<sup>11</sup> Hợp tác với các địa phương và DN thể hiện qua số hợp đồng, thỏa thuận và số kinh phí do cá nhân chủ động liên kết

**4.5. Sách phục vụ đào tạo (chỉ tính sách có mã số chuẩn quốc tế ISBN)**

TT	Thời gian sau khi được bổ nhiệm	Trong nước (quyền)	Nước ngoài (quyền)	Nước ngoài trong đó có trên website amazon.com (quyền)	Ghi chú
<b>Chuyên khảo</b>					
1	18 tháng				
2	24 tháng				
<b>Giáo trình</b>					
3	18 tháng	02			
4	24 tháng	03			
<b>Tham khảo</b>					
5	18 tháng	03			
6	24 tháng	04			
<b>Hướng dẫn</b>					
7	18 tháng	01			
8	24 tháng	02			
	<b>Tổng số</b>				

**4.6. Phát minh, sáng chế, tiến bộ kỹ thuật, tư vấn chính sách của đơn vị.....**

TT	Thời gian sau khi được bổ nhiệm	Số lượng	Ghi chú
1.	18 tháng	01	
2.	24 tháng	02	
	<b>Tổng số</b>		

**4.7. Hợp tác trong và ngoài nước**

TT	Thời gian	Số người đi nước ngoài và số lượt người nước ngoài đến HV do đơn vị tạo nguồn		Số SV đi nước ngoài và số SV nước ngoài đến HV do đơn vị tạo nguồn		Số địa phương đơn vị có liên kết	Số doanh nghiệp đơn vị có liên kết <sup>12</sup>
		Đi	Đến	Đi	Đến		
1	Sau 18 tháng	02	03	02	02	03	05
2	Sau 24 tháng	04	06	03	03	05	10
	<b>Tổng</b>	<b>6</b>	<b>9</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>8</b>	<b>15</b>

**4.8. Thu nhập của viên chức, người lao động trong Khoa sau khi ứng viên được bổ nhiệm (chỉ tính số tiền phúc lợi của đơn vị)**

Đảm bảo 30% thu nhập tăng thêm do học viện khoán cho cán bộ công nhân viên toàn khoa. Đủ kinh phí tổ chức các hoạt động công đoàn thăm hỏi, ngoại giao theo qui định nội bộ của khoa, tổ chức du xuân, nghỉ hè cho cán bộ toàn khoa hoàn toàn miễn phí. Ngoài ra, đảm bảo tiền phụ lợi cuối năm tối thiểu như sau:

TT	Thời gian	Tiền phúc lợi (đồng/năm/người)	Ghi chú
1	Sau 18 tháng	2.400.000.000	Ngoài khoán thu nhập tăng thêm, du xuân, nghỉ hè miễn phí.
2	Sau 24 tháng	3.000.000.000	

<sup>12</sup> Hợp tác với các địa phương và DN thể hiện qua số hợp đồng, thỏa thuận và số kinh phí do đơn vị chủ động liên kết

**V. ĐÓNG GÓP (DỰ KIẾN) CỦA CÁ NHÂN SAU KHI ĐƯỢC BỔ NHIỆM**  
(Trong điều kiện hiện nay của Học viện)

**5.1. Đề tài, dự án do cá nhân tự đề xuất**

TT	Thời gian	Số lượng (đề tài, dự án)	Tổng kinh phí (đồng)	Ghi chú
1	Sau 18 tháng	01	3.000.000.000	
2	Sau 24 tháng	02	4.500.000.000	
	<b>Tổng</b>	<b>03</b>	<b>7.500.000.000</b>	

**5.2. Số lượng bài báo khoa học được công bố (chỉ tính các tạp chí có ISSN)**

TT	Thời gian	Trong nước (bài)	Quốc tế (bài)	Trong đó số bài có trong danh mục SCI/ SCIE/ SSCI/ A&HCI/ ISI/ SCOPUS, IF,... (bài)	Ghi chú
1	Sau 18 tháng	8	01	01	
2	Sau 24 tháng	12	03	02	
	<b>Tổng</b>	<b>20</b>	<b>04</b>	<b>03</b>	

**5.3. Số lượng bài báo cáo tại hội nghị, hội thảo (chỉ tính các bài toàn văn đăng trên Kỷ yếu có mã số chuẩn quốc tế ISBN)**

TT	Thời gian	Trong nước (báo cáo)	Quốc tế (báo cáo)	Ghi chú
1	Sau 18 tháng	02	01	
2	Sau 24 tháng	03	02	
	<b>Tổng</b>	<b>05</b>	<b>03</b>	

**5.4. Sách phục vụ đào tạo do ứng viên tham gia hoặc chủ biên (chỉ tính sách có ISBN)**

TT	Thời gian	Trong nước (quyển)	Nước ngoài (quyển)	Nước ngoài trong đó có tên trên website amazon.com (quyển)	Ghi chú
<b>Chuyên khảo</b>					
1	Sau 18 tháng				
2	Sau 24 tháng				
<b>Giáo trình</b>					
3	Sau 18 tháng	01			
4	Sau 24 tháng	02			
<b>Tham khảo</b>					
5	Sau 18 tháng				
6	Sau 24 tháng				
<b>Hướng dẫn</b>					
7	Sau 18 tháng				
8	Sau 24 tháng				
	<b>Tổng</b>	<b>02</b>			



### 5.5. Phát minh, sáng chế, tiến bộ kỹ thuật, tư vấn chính sách.....

TT	Thời gian	Số lượng	Ghi chú
1.	Sau 18 tháng	01	
2.	Sau 24 tháng	01	
	<b>Tổng số</b>		

### 5.6. Hợp tác trong và ngoài nước

TT	Thời gian	Số người đi nước ngoài và số lượt người nước ngoài đến HV do ứng viên tạo nguồn		Số SV đi nước ngoài và số SV nước ngoài đến HV do ứng viên tạo nguồn		Số địa phương đơn vị có liên kết do ứng viên tạo nguồn	Số doanh nghiệp đơn vị có liên kết do ứng viên tạo nguồn <sup>13</sup>
		Đi	Đến	Đi	Đến		
1	18 tháng	03	02	01	01	02	4
2	24 tháng	06	05	02	02	03	5
	<b>Tổng</b>	09	07	03	03	05	9

Sau 24 tháng được bổ nhiệm:

a) **Tổng số trích dẫn của ứng viên: 760**    b) **Chỉ số H của ứng viên: h-index 14**

## VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để đạt được những nhiệm vụ và kế hoạch trên đây, cá nhân sẽ cùng tập thể cán bộ khoa tập trung vào các mặt chính sau đây:

### 1. Công tác chính trị tư tưởng

- Quan tâm, lắng nghe tâm tư nguyện vọng cán bộ viên chức để giải quyết những vướng mắc khó khăn trong quá trình triển khai các nhiệm vụ chính trị và chuyên môn. Đảm bảo sự công khai minh bạch về mọi mặt để xây dựng lòng tin, khuyến khích cán bộ làm việc, cống hiến cho sự phát triển của tập thể. Qua đó tăng cường hơn nữa sự đoàn kết trong nội bộ để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của khoa;

- Quán triệt cho các CBVC trong khoa hiểu rõ những quy định mới của HV, nhằm hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ được giao, định mức công việc theo quy định;

- Phát huy tốt vai trò của các tổ chức quần chúng, đoàn thể như tổ chức Công đoàn, Liên chi đoàn và Hội sinh viên nhằm cải thiện chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao TBKT vào sản xuất cũng như các hoạt động phong trào của cán bộ cũng như sinh viên trong Khoa. Mỗi cán bộ và sinh viên của khoa nhận thức tốt vai trò trách nhiệm đối với khoa, với học viện, với ngành và với xã hội.

### 2. Công tác tổ chức, quản lý và cán bộ

Tiếp tục và tăng cường công tác bồi dưỡng cán bộ về chuyên môn, nghiệp vụ bằng các nguồn học bổng và kinh phí khác nhau nhằm tăng cường năng lực cho cán bộ trong Khoa.

Hoàn thiện công tác tổ chức theo yêu cầu mới, chuẩn bị tốt công tác qui hoạch cán bộ của chính quyền, đoàn thể đáp ứng yêu cầu đòi hỏi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động.

<sup>13</sup> Hợp tác với các địa phương và DN thể hiện qua số hợp đồng, thỏa thuận và số kinh phí do đơn vị chủ động liên kết

### **3. Công tác đào tạo**

- Phối hợp với các bộ phận chức năng trong Học viện để hoàn thiện công tác kiểm định chương trình đào tạo theo chuẩn AUN và hoàn thiện đề án nâng cao chất lượng đào tạo;
- Tăng cường công tác quảng bá tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao học và các lớp ngắn hạn (đặc biệt lớp cao học địa phương)
- Tiếp tục rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo hiện hành và những chương trình mới được thông qua (POHE, chương trình thạc sỹ ứng dụng);
- Tiếp tục triển khai thực tập giáo trình, thực tập tốt nghiệp theo hướng tăng cường liên kết với các viện chuyên ngành, các địa phương, các cơ sở sản xuất, các công ty... đặc biệt liên kết với công ty doanh nghiệp lớn có uy tín, đủ điều kiện nâng cao chất lượng học tập, rèn nghề để đưa các nhóm sinh viên đi thực tế tại cơ sở, triển khai các hoạt động chuyên môn theo đề cương thực tập của bộ môn có sự giám sát của các giáo viên nhằm nâng cao kỹ năng và kiến thức thực tiễn cho sinh viên;
- Tận dụng tối đa cơ sở vật chất của Khoa: các phòng thí nghiệm, trại chăn nuôi để nâng cao tay nghề cho sinh viên;
- Tiếp tục rà soát và hoàn thiện hệ thống giáo trình nhằm góp phần cải thiện chất lượng đào tạo.

### **4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế**

- Thực hiện tốt các đề tài/dự án đang tiến hành; củng cố và phát triển các nhóm NCM nhằm nâng cao khả năng và hiệu quả đầu thầu đề tài, dự án, cũng như đáp ứng được yêu cầu phát triển và nâng cao vị thế của Khoa và Học viện.
- Duy trì tốt các hoạt động hợp tác với các đối tác truyền thống (Bi, Pháp, Mỹ, WSPA, ...) đồng thời tích cực mở rộng hợp tác với các đối mới (Hà Lan, Indonesia, Thái Lan, Trung Quốc...);
- Đẩy mạnh công bố các bài báo khoa học nhất là các bài báo bằng tiếng Anh tại Học viện và bài báo quốc tế, tham gia hội nghị, hội thảo và các hoạt động khoa học khác;
- Định hướng phát triển các đề tài nghiên cứu sẽ được xây dựng dựa trên nhu cầu phát triển khoa học và công nghệ và thực hiện chủ trương phát triển KH&CN của Học viện cũng như điều kiện nguồn lực của Khoa, và những ưu tiên nghiên cứu của Bộ NN & PTNT, chú trọng các hướng nghiên cứu với các chủ đề chính như sau:
  - *Cải tiến giống vật nuôi tập trung vào những nghiên cứu chuyên sâu với công nghệ hiện đại;*
  - *Nghiên cứu khai thác và sản xuất thức ăn chăn nuôi theo hướng phát triển bền vững;*
  - *Cải thiện tình trạng vệ sinh an toàn thực phẩm sản phẩm động vật*
  - *Chuyển giao các TBKT chăn nuôi vào sản xuất.*

### **5. Xây dựng cơ sở vật chất**

- Củng cố các phòng thí nghiệm của các bộ môn bằng các nguồn kinh phí khác nhau; Phối hợp với HV để tiếp tục hoàn thiện thủ tục công nhận phòng TNNT đạt tiêu chuẩn ISO và vào hệ thống chỉ định của Bộ NN&PTNT.
- Tiếp tục cải thiện cơ sở hạ tầng thực hành, thí nghiệm để phục vụ tốt hơn nữa việc đào tạo và nghiên cứu khoa học.
- Tận dụng mọi nguồn lực (doanh nghiệp, nhà nước, học viện, đề tài, dự án ...) để đầu tư xây mới và cải tạo cơ sở vật chất, trước hết là 2 đơn nguyên nhà khoa theo thiết kế ban đầu.

## 6. Công tác thông tin tuyên truyền

- Mỗi cán bộ là một tuyên truyền viên quảng bá hình ảnh của khoa, của học viện. Công tác quảng bá được thực hiện thường xuyên, mọi lúc, mọi nơi khi có điều kiện ... qua nhiều hình thức mạng xã hội, hội thảo, hội nghị ....

- Xây dựng lại website theo đúng yêu cầu nhận diện, cấu trúc và thông tin chung của Học viện.

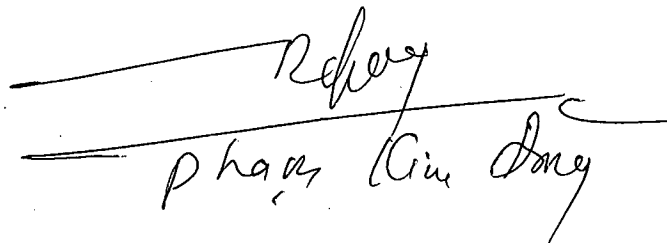
- Duy trì và cập nhật thường xuyên website của Khoa bằng hai thứ tiếng (việt và anh), coi website là công thông tin hữu hiệu và quảng bá hình ảnh của Khoa.

Trên đây là báo cáo về kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học của đơn vị và cá nhân. Tôi cam kết thực hiện đúng các nội dung như đã cam kết ở mục IV, V và VI nêu trên. Nếu không thực hiện đúng, tôi xin trách nhiệm trước tập thể cán bộ viên chức và lãnh đạo học viện.

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2019

**NGƯỜI VIẾT**

(ký, ghi rõ họ và tên)

  
Phạm Văn Đông